

CHÍNH PHỦ
Số: 86/2009/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Pháp lệnh Lực lượng cảnh sát biển Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam về tổ chức, hoạt động, một số loại trang bị và chế độ, chính sách ưu đãi đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

- Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được tổ chức theo Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam; tôn trọng và tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 4. Tên giao dịch quốc tế

Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Vietnam Marine Police.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 5. Hệ thống tổ chức của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cơ quan Cục Cảnh sát biển.
2. Đơn vị trực thuộc Cục Cảnh sát biển, gồm:
 - a) Vùng Cảnh sát biển. Trong cơ cấu của vùng Cảnh sát biển có hải đoàn, hải đội, cụm trinh sát và đội nghiệp vụ Cảnh sát biển;
 - b) Hải đoàn Cảnh sát biển;
 - c) Cụm trinh sát;
 - d) Cụm đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy;
 - đ) Trung tâm thông tin Cảnh sát biển;
 - e) Trung tâm huấn luyện Cảnh sát biển.
3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định biên chế, trang bị và nhiệm vụ cụ thể các cơ quan, đơn vị Cảnh sát biển.

Điều 6. Cục Cảnh sát biển

Cục Cảnh sát biển có tư cách pháp nhân và con dấu, có kinh phí tổ chức, xây dựng và hoạt động do ngân sách nhà nước cấp, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở tại Hà Nội và cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Vùng Cảnh sát biển

1. Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị, có trụ sở tại thành phố Hải Phòng.
2. Vùng Cảnh sát biển 2 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị đến Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Quảng Nam.
3. Vùng Cảnh sát biển 3 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định đến bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh, có trụ sở tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
4. Vùng Cảnh sát biển 4 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh đến Hà Tiên tỉnh Kiên Giang, có trụ sở tại tỉnh Cà Mau.

Điều 8. Cảnh sát viên, trinh sát viên

1. Cảnh sát viên và Trinh sát viên là chức danh pháp lý trong lực lượng Cảnh sát biển để làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống tội phạm.
2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn và thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh pháp lý thuộc lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Chương III

CỜ HIỆU, PHÙ HIỆU, TRANG PHỤC CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 9. Cờ hiệu

1. Cờ lệnh

Cờ lệnh của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hình tam giác cân, nền xanh nước biển, chiều cao 1,5m, cạnh đáy 1,0 m, có quốc huy ở giữa và mũi tên màu vàng chạy ngang phía sau.

Cờ lệnh treo trên cột cờ cao 2,5 m cắm ở đuôi tàu (riêng tàu tìm kiếm cứu nạn cắm ở boong thượng phía sau).

2. Ký hiệu

Ký hiệu có 2 vạch màu da cam và màu trắng liền kề nhau, chiều dài của vạch bằng chiều cao mạn khô của thân tàu.

Vạch số 1 màu da cam đặt ở điểm cuối của mũi tàu giáp với điểm đầu của thân tàu, chệch $30^0 - 40^0$, chiều rộng 0,5 m – 1,0 m (tùy theo kích thước tàu) tiếp đến vạch số 2 màu trắng, chiều rộng bằng 1/4 vạch số 1.

Ký hiệu được biểu hiện ở 2 bên thân tàu.

3. Màu sắc của tàu Cảnh sát biển Việt Nam

Màu sắc của thân tàu Cảnh sát biển Việt Nam có các loại như sau:

a) Thân tàu tuần tra, tàu môi trường sơn màu xanh nước biển, đài chỉ huy sơn màu trắng;

Trên thân tàu:

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số tàu màu trắng;

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN)

VIETNAM MARINE POLICE (HÀNG DƯỚI)

b) Thân tàu tìm kiếm – cứu nạn sơn màu da cam, đài chỉ huy sơn màu trắng, đường viền phía trên đài chỉ huy sơn màu da cam.

Trên thân tàu:

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số tàu màu trắng;

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN)

VIETNAM MARINE POLICE (HÀNG DƯỚI)

4. Màu sắc máy bay Cảnh sát biển Việt Nam

a) Thân máy bay

Thân máy bay phía dưới sơn màu xanh nước biển (tính từ vạch dưới cửa sổ lõi của máy bay trở xuống phần bụng máy bay cho tới sát cửa kính cabin khoang lái).

Thân máy bay phía trên sơn màu trắng (tính từ vạch dưới cửa sổ lõi của máy bay trở lên phần lưng máy bay cho tới sát cửa kính cabin khoang lái và phần cánh máy bay).

b) Đầu máy bay